

tra dân số để toàn dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa điều tra dân số và tích cực chuẩn bị kê khai.

b) *Bước 2* (từ 3 đến 5 ngày), bắt đầu từ buổi sáng sau mốc thời gian đăng ký.

Tiến hành đăng ký nhân khẩu, kết hợp kiểm tra xen kẽ.

Sau khi đăng ký xong, từng xóm và đường phố tiến hành kiểm tra tập thể và gián tiếp.

c) *Bước 3* (từ 3 đến 5 ngày):

— Từ 3 đến 4 ngày: tổng hợp chung ở xã, thị trấn và khu phố, đồng thời tiến hành công tác kiểm tra lại ở các đơn vị được chọn.

— Một ngày: tổng kết công tác ở xã, thị trấn, khu phố.

Trong khoảng từ 12 đến 15 ngày, kể từ khi xã, thị trấn, khu phố tập trung lực lượng tổ chức huấn luyện rồi tuyên truyền học tập trong nhân dân, tới khi đăng ký, kiểm tra tập thể xong, công tác điều tra dân số lúc này là công tác trung tâm đột xuất, tất cả các công tác cần thiết khác là công tác kết hợp. Ở những đơn vị được chọn để kiểm tra lại, công tác kiểm tra lại vẫn ở trong đợt công tác trung tâm đột xuất tới khi hoàn thành. Trong thời gian này, lực lượng lãnh đạo, lực lượng cán bộ và nhân dân cần tập trung cao độ vào công tác điều tra dân số, nhất là ở đơn vị hành chính cơ sở (xã, thị trấn, khu phố), để đảm bảo yêu cầu điều tra dân số làm tốt, nhanh, gọn trong phạm vi toàn miền Bắc.

Đối với các vùng rẻo cao, vùng giữa (vùng lưng chừng) ở miền núi, do điều kiện có nhiều khó khăn về phong trào, tiếng nói, địa lý, dân cư, tổ chức, cán bộ, v.v... nếu khu, tỉnh, trong điều kiện không đủ cán bộ tiến hành điều tra cùng một thời gian với vùng thấp, thì có thể tiến hành một đợt thứ hai tiếp ngay sau khi điều tra xong ở vùng thấp và cần cố gắng thu hẹp diện điều tra đợt 2 được chừng nào càng tốt chừng ấy.

**3. Thời gian tổng hợp từ cấp huyện tới trung ương:**

— Trong khoảng 15 ngày, sau khi các xã, thị trấn, khu phố tổng hợp xong, huyện, quận, châu, thị xã hoàn thành công việc tổng hợp và chỉnh lý tài liệu và tổng kết báo cáo kết quả tổng hợp với khu, thành phố, tỉnh.

— Trong khoảng từ 20 đến 30 ngày: sau khi các huyện, quận, châu, thị xã, khu phố hoàn thành tổng hợp, khu, thành phố và tỉnh hoàn thành công việc tổng hợp và chỉnh lý tài liệu và tổng kết báo cáo kết quả với Ban chỉ đạo điều tra dân số trung ương.

— Trong khoảng từ 25 đến 35 ngày: ở trung ương hoàn thành công việc tổng hợp và chỉnh lý tài liệu về 8 chỉ tiêu chính và báo cáo với Chính phủ.

Ở mỗi cấp, sau khi tổng hợp xong các chỉ tiêu chính quy định cho từng cấp trong kế hoạch này, sẽ tiếp tục tổng hợp các chỉ tiêu cần thiết khác theo nhu cầu của lãnh đạo địa phương và trung ương, và sẽ có hướng dẫn cụ thể sau. Trong khi chưa tổng hợp xong các chỉ tiêu chính nói trên, ở các cấp không được tổng hợp thêm chỉ tiêu khác để khỏi ảnh hưởng tới công tác tổng hợp chung của toàn miền Bắc.

Ban hành kèm theo thông tư số 297-TTg

ngày 12 tháng 8 năm 1959.

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

## QUY ĐỊNH số 298-TTg ngày 12-8-1959 về việc đăng ký nhân khẩu toàn miền Bắc năm 1959.

Để tiến hành công tác điều tra dân số được thuận lợi và thống nhất trong toàn miền Bắc này, Thủ tướng Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa ban hành bản quy định về việc đăng ký nhân khẩu.

Bản quy định đăng ký nhân khẩu này nhằm đạt mục đích, yêu cầu của cuộc điều tra dân số là thu thập những tài liệu cơ bản chính xác nhất về tình hình dân số toàn miền Bắc để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch và phục vụ công tác quản lý của Nhà nước về mọi mặt.

Tình hình dân số luôn luôn di động rất phức tạp. Điều tra dân số muốn đảm bảo đạt yêu cầu chính xác nhất, không bỏ sót, tình trạng một nhân khẩu nào, cần phải có những quy định để thống nhất đăng ký giữa các địa phương trong toàn miền Bắc. Yêu cầu thống nhất đăng ký nhân khẩu theo bản quy định này, cần phải được quán triệt sâu sắc và cần được triệt để chấp hành đúng ở các cấp, các địa phương và toàn thể cán bộ điều tra dân số.

Toàn thể nhân dân có nghĩa vụ kê khai nhân khẩu cần hiểu rõ ý nghĩa, mục đích điều tra dân số và những điều quy định có quan hệ đến họ mình, tới bản thân mình để giúp cho việc đăng ký được chính xác.

**Điều 1. — Phạm vi đối tượng và tổ chức đăng ký nhân khẩu.**

1. Tất cả mọi người Việt nam và ngoại kiều cư trú trên lãnh thổ nước Việt nam dân chủ cộng hòa,



đều phải đăng ký theo bản quy định này và do Ủy ban Hành chính các cấp, có Ban điều tra dân số giúp việc, phụ trách tổ chức đăng ký.

2. Các lực lượng quân đội tại ngũ, các lực lượng công an trong biên chế, không phân biệt cư trú ở đâu và những nhân khẩu khác cư trú trong khu vực thuộc phạm vi quân đội, công an do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phụ trách tổ chức đăng ký.

3. Các cán bộ, nhân viên đại sứ quán, lãnh sự quán, nhân viên công tác khác, lưu học sinh, thực tập sinh của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, công tác hay học tập ở nước ngoài, và Việt kiều, do Bộ Ngoại giao phụ trách đăng ký.

#### Điều 2. — Đơn vị đăng ký.

1. Đăng ký nhân khẩu lấy hộ làm đơn vị:

— Một hộ thông thường là một số người, không kể nhiều hay ít, ăn, ở chung với nhau và có một người đứng làm chủ hộ. Người ăn, ở riêng lẻ và tự đứng làm chủ hộ cũng coi như một hộ.

— Một hộ tập thể là một đơn vị gồm có nhiều người ăn, ở chung, do cơ quan Nhà nước hay đoàn thể tổ chức và quản lý.

2. Mỗi hộ đăng ký theo một phiếu riêng.

#### Điều 3. — Mốc thời gian đăng ký.

Mốc thời gian để xác định nhân khẩu đăng ký là 0 giờ ngày 2 tháng 10 năm 1959, tức là 0 giờ ngày 1 tháng 9 năm Kỷ hợi.

Kể từ sáng ngày 2 tháng 10 năm 1959, các địa phương sẽ bắt đầu và lần lượt tiến hành đăng ký nhân khẩu theo tình hình nhân khẩu thường trú ở địa phương vào mốc thời gian trên.

— Các nhân khẩu đã chết và đã di chuyển chính thức đi nơi khác trước mốc thời gian đều không đăng ký.

— Các nhân khẩu mới sinh và mới đến ở chính thức sau mốc thời gian đều không đăng ký.

#### Điều 4. — Loại nhân khẩu đăng ký.

Trong phạm vi toàn miền Bắc, thống nhất đăng ký loại nhân khẩu thường trú. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký ở một nơi là nơi thường trú.

#### Điều 5. — Những nguyên tắc chính để xác định nhân khẩu thường trú.

1. Trừ những nhân khẩu quân nhân tại ngũ và cán bộ, nhân viên công an trong biên chế, do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đăng ký theo điều 1, tiết 2 trên đây, tất cả các nhân khẩu cư trú thường xuyên cố định ở nơi nào, thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi ấy.

2. Các nhân khẩu đã rời khỏi chỗ ở cũ trước mốc thời gian đăng ký, nếu có giấy chứng nhận

di chuyển hẳn thì đăng ký là nhân khẩu thường trú ở nơi cư trú mới.

3. Các nhân khẩu rời khỏi chỗ ở cũ trước mốc thời gian đăng ký, nếu không có giấy chứng nhận di chuyển hẳn hoặc không rõ đi đâu, thì tính từ ngày người đó rời khỏi chỗ ở cũ ra đi đến mốc thời gian đăng ký, nếu chưa đủ 6 tháng thì đăng ký tại nơi cư trú cũ, nếu đã quá 6 tháng thì đăng ký tại nơi cư trú mới.

4. Nhân khẩu không có nơi cư trú nhất định, trong thời gian tiến hành đăng ký, nếu có mặt tại đâu thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại đấy và được cấp giấy chứng nhận đã đăng ký sau khi đăng ký xong.

5. Đăng ký nhân khẩu trong các cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp quốc doanh, công trường, nông, lâm trường v.v...:

##### a) Trong biên chế:

— Cán bộ, nhân viên, công nhân cư trú thường xuyên với gia đình riêng ngoài hộ tập thể thì đăng ký tại nơi gia đình cư trú, kể cả trong trường hợp đi công tác vắng mặt, đi công tác lưu động, hoặc biệt phái đi công tác dài hạn, đi học trong nước, đi bệnh viện...

— Cán bộ, nhân viên, công nhân cư trú thường xuyên ở trong các hộ tập thể của cơ quan, đoàn thể, các xí nghiệp quốc doanh, công trường, nông, lâm trường, trường học, bệnh viện, vườn trẻ, trại trẻ (không kể vườn trẻ, trại trẻ dân lập)..., thì đăng ký là nhân khẩu thường trú theo hộ tập thể của cơ quan hay đơn vị quản lý hiện đang trực tiếp trả lương, kể cả các trường hợp cán bộ, nhân viên, công nhân đó đi công tác lưu động, biệt phái đi công tác dài hạn, đi học trong nước, đi bệnh viện, nhưng vẫn tiếp tục lĩnh lương ở cơ quan hay đơn vị quản lý cũ.

##### b) Ngoài biên chế:

Những nhân khẩu làm việc theo hợp đồng làm việc phụ động, công nhật..., không ở trong biên chế của các cơ quan, đoàn thể, v.v... và những nhân khẩu không thuộc biên chế của Nhà nước và các đoàn thể, v.v..., như gia đình cán bộ, nhân viên, công nhân và người giúp việc gia đình hiện nay cư trú trong hộ tập thể, thì đăng ký theo tiết 2 và 3 của điều này, tùy theo từng trường hợp cụ thể, nghĩa là các nhân khẩu đã rời khỏi chỗ ở cũ trước mốc thời gian đăng ký đến hộ tập thể:

— Nếu có giấy chứng nhận di chuyển hẳn thì đăng ký là nhân khẩu thường trú theo hộ tập thể.

— Nếu không có giấy chứng nhận di chuyển hẳn thì tính từ ngày người đó rời khỏi chỗ ở cũ ra đi đến mốc thời gian đăng ký, nếu chưa đủ



6 tháng thì đăng ký tại nơi cư trú cũ, nếu đã quá 6 tháng thì đăng ký là nhân khẩu thường trú theo hộ tập thể.

**Điều 6 — Đăng ký các loại nhân khẩu khác.**

1. Đi làm nghĩa vụ dân công: đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi cư trú cũ.

2. Thường dân nằm ở các bệnh viện: đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi cư trú trước khi vào bệnh viện. Trẻ mới sinh tại bệnh viện: đăng ký theo nơi cư trú của mẹ.

3. Nhân khẩu ở các trại hủi, trại cải tạo, phạm nhân đang ở tù, hoặc đang bị tạm giam, đều đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi hiện đang quản lý hoặc giam giữ họ.

4. Cán bộ, nhân viên nằm chờ công tác, do cơ quan hiện đang quản lý họ đăng ký.

5. Những nhân khẩu có nhiều chỗ ở, khó xác định nơi cư trú thường xuyên, nếu đăng ký hộ tịch thường trú tại đâu, hoặc nếu được tính nhân khẩu nông nghiệp tại đâu, hoặc bầu cử Hội đồng nhân dân tại đâu thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi đó.

6. Những nhân khẩu được nuôi luân lưu thì đăng ký tại nơi hộ đang nuôi họ trong thời gian tiến hành đăng ký.

**Điều 7. — Đăng ký các nhân khẩu cư trú, hoặc có nghề nghiệp trên mặt nước.**

1. Những nhân khẩu làm ăn, sinh sống trên mặt nước, nếu có nơi cư trú trên bộ thì đăng ký là nhân khẩu thường trú nơi cư trú trên bộ; nếu không có nơi cư trú trên bộ mà cư trú thường xuyên trên nhà bè, thuyền bè thì nhà bè, thuyền bè ấy thuộc về bến nào thì đăng ký là nhân khẩu thường trú ở bến ấy.

2. Nhân viên làm việc trên tàu quốc doanh hoặc tư doanh, nếu có nơi cư trú trên bộ thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi cư trú trên bộ, nếu không có nơi cư trú trên bộ thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại bến gốc của tàu đó.

3. Những nhân khẩu sinh sống làm ăn trên mặt nước, cùng với thuyền bè của họ, nếu không xác định được nơi cư trú thường xuyên thì khi họ và thuyền bè cập bến tại nơi nào trong thời gian tiến

hành đăng ký, nơi ấy tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận đã đăng ký cho họ.

**Điều 8. — Nhân khẩu du cảnh.**

Trong thời gian tiến hành đăng ký những nhân khẩu du cảnh cư trú tại địa phương nào thì đăng ký tại địa phương ấy.

**Điều 9. — Người ngoại kiều và người Việt nam ở cùng trong một hộ đều đăng ký chung trong hộ đó.**

**Điều 10. — Đăng ký nhân khẩu thống nhất dùng phiếu đăng ký nhân khẩu theo mẫu đính kèm do Cục Thống kê trung ương lập và do Thủ tướng phủ ban hành. Các vùng dân tộc thiểu số, nếu có chữ riêng (chữ Thái, chữ Hán) thì có thể in phiếu đăng ký bằng chữ riêng ấy theo mẫu chung.**

**Điều 11. — Ủy ban Hành chính các cấp, có Ban điều tra giúp việc, có nhiệm vụ thi hành quy định đăng ký nhân khẩu này. Bộ quốc phòng, Bộ công an có nhiệm vụ thi hành quy định đăng ký này đối với các nhân khẩu không thuộc quân đội tại ngũ, công an trong biên chế, mà cư trú trong phạm vi quản lý của các cơ quan quốc phòng, công an, và gửi bản tổng hợp có kèm theo các phiếu đăng ký tới Ban điều tra dân số các cấp khu, thành, tỉnh để tổng hợp chung vào dân số thường trú địa phương.**

Trong khi tiến hành đăng ký, các cấp, các ngành không được làm trái với những điều ghi trong quy định này và cũng không được thay đổi, thêm bớt các hạng mục trong phiếu đăng ký nhân khẩu.

Những nơi do tình hình có những đặc điểm riêng, khi xét cần có những thay đổi hay bổ sung bản quy định này thì phải báo cáo, đề nghị với Ban chỉ đạo điều tra dân số trung ương, và sau khi được duyệt y mới được thi hành.

**Điều 12. — Ban chỉ đạo điều tra dân số trung ương có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn thi hành quy định này trong toàn miền Bắc.**

Hà nội, ngày 12 tháng 8 năm 1959

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

Khu, thành phố, tỉnh.....

MẪU

Cục Thống kê Trung ương lập  
Thủ tướng Chính phủ ban hành  
theo nghị định số.....

Quận, châu, thị xã, huyện.....

## PHIẾU ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU

Khu phố, thị trấn, khối, xã.....

(loại A)

Phiếu số..... tờ.....

Tổ, xóm....., số nhà.....

## NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số thứ tự	Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Tuổi	Dân tộc	Trình độ văn hóa	Nghề nghiệp

Cộng nhân khẩu thường trú....., trong đó:..... nam, ..... nữ

GHI CHÚ :

Ngày..... tháng..... năm 1959

Người đứng khai ký tên      Người ghi phiếu ký tên

## NHÂN KHẨU VẮNG MẶT (không thường trú)

Số thứ tự	Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ	Làm gì, ở đâu?

09669890